

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **113/2022/DS-ST**

Ngày: 20/9/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đăng Khoa.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 357/2022/TLST – DS ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 962/2022/QĐST-DS ngày 30/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng T.

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà R, đường Đ, phường 13, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1987.

Địa chỉ liên hệ: Tầng M, tòa nhà R, đường Đ, phường 13, quận B, thành phố Hồ Chí Minh..

Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2022.

- Bị đơn: Ông Trần Quang B, sinh năm 1992.

Địa chỉ: khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông V có đơn xin vắng mặt; ông B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/6/2019, ông Trần Quang B có ký hợp đồng tín dụng số 20190614-797236 với Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Công ty tài chính T) vay số tiền 42.200.000đ với lãi suất 3,75%/tháng, thời hạn vay là 18 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Sau khi vay, ông B đã thanh toán được 06 lần với số tiền 19.670.137đ, trong đó nợ gốc là 11.795.090đ, lãi là 7.875.047đ. Kể từ ngày 04/12/2019 đến nay ông B không thanh toán thêm được lần nào cho Công ty mặc dù Công ty đã nhiều lần thông báo đề nghị thanh toán.

Nay Công ty tài chính T khởi kiện yêu cầu ông B thanh toán cho Công ty số tiền 38.035.379đ, trong đó nợ gốc là 30.404.910đ, lãi tính đến ngày 02/12/2020 là 7.630.469đ. Công ty tài chính T không yêu cầu ông B tiếp tục thanh toán tiền lãi từ ngày 03/12/2020.

Bị đơn ông Trần Quang B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính T, buộc bị đơn ông Trần Quang B phải trả cho Công ty tài chính T số tiền 38.035.379đ, trong đó nợ gốc là 30.404.910đ, lãi tính đến ngày 02/12/2020 là 7.630.469đ.

Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty tài chính T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Quang B phải trả số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng số 20190614-797236 ngày 07/6/2019. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4, 14, 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ cư trú thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự: Ông Nguyễn Hoàng V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Trần Quang B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn Công ty tài chính T yêu cầu bị đơn ông Trần Quang B phải thanh toán cho Công ty tổng số tiền vay là 38.035.379đ, trong đó nợ gốc là 30.404.910đ, lãi tính đến ngày 02/12/2020 là 7.630.469đ. Công ty tài chính T không yêu cầu ông B tiếp tục thanh toán tiền lãi từ ngày 03/12/2020. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng của ông Trần Quang B.

Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20190614-797236 ngày 07/6/2019 giữa Công ty tài chính T và ông Trần Quang B, văn bản phê duyệt của Công ty tài chính T đối với đơn đề nghị vay vốn của ông Trần Quang B, đủ cơ sở xác định: Ngày 07/6/2019, ông Trần Quang B có vay của Công ty tài chính T số tiền 42.200.000đ, thời hạn vay 18 tháng, lãi suất 3,75%/tháng, mục đích vay tiêu dùng. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Công ty tài chính T đã giải ngân cho ông B số tiền 42.200.000đ. Tuy nhiên, đến ngày 04/12/2019, ông B mới thanh toán cho Công ty tài chính T được 06 lần với số tiền 19.670.137đ, trong đó nợ gốc là 11.795.090đ, lãi là 7.875.047đ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh địa chỉ của ông B và được Công an phường T cung cấp thông tin: ông Trần Quang B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hiện ông B vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông B đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện niêm yết đơn khởi kiện, hợp đồng tín dụng giữa Công ty tài chính T và ông B, thông báo đề nghị ông B có ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông B cũng không có ý kiến. Do vậy xem như ông B đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. 2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất. Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật.*

Tại giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20190614-797236 ngày 07/6/2019 giữa Công ty tài chính T và ông Trần Quang B, văn bản phê duyệt của Công ty tài chính T đối với đơn đề nghị vay vốn của ông Trần Quang B các bên thỏa thuận: ông B vay của Công ty tài chính T số tiền 42.200.000đ, thời hạn vay 18 tháng, lãi suất 3,75%/tháng, cụ thể ông B phải thanh toán cho Công ty tài chính T số tiền 3.266.137đ vào ngày 02 hàng tháng. Việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái quy định pháp luật. Tuy nhiên, từ ngày 04/12/2019 ông B không tiếp tục thanh toán tiền cho Công ty tài chính T. Như vậy ông B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tín dụng theo thỏa thuận của các bên. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Quang B phải thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng T số tiền còn thiếu là 38.035.379đ, trong đó nợ gốc là 30.404.910đ, lãi tính đến ngày 02/12/2020 là 7.630.469đ. Công ty tài chính T không yêu cầu ông B tiếp tục thanh toán tiền lãi từ ngày 03/12/2020 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Trần Quang B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.901.769 đồng (38.035.379đ x 5%). Hoàn trả cho Công ty tài chính T tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 4; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 7; Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn ông Trần Quang B.

Buộc ông Trần Quang B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng T số tiền 38.035.379đ (ba mươi tám triệu không trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm bảy mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 30.404.910đ, lãi là 7.630.469đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Trần Quang B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.901.769đ (Một triệu chín trăm lẻ một ngàn bảy trăm sáu mươi chín đồng). Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng T số tiền 950.884 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 02787 ngày 17/5/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- CCTHADS TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy